

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK10+P8	7:25	16+0+0	0+0+0		5+13+2	0+0+0	chuyen 4 bk10-p8
2		AMD+BK9+RP1	7:25	14+5+0	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
3		CTK3+P3+P4	7:25	16+4+1	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
4		P2+BK5+P2	9:25	15+0+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 6 p2-bk5
5		AMD+TD1	9:25	13+6	0+0		0+22	0+0	
6		CTK3+HST+HSD	9:25	16+2+2	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
7	618	AMD+TGTH4+TGTH1	11:15	5+3+8	0+0+0		6+1+11	0+0+0	MBAY HONG THAY 619
8		CTK3+P8+CNV	11:25	9+10	0+0		10+9+2	0+0	CHUYEN 2 P8-CNV
9		T.UNG	11:25	16	0		19	0	

TTBDSX

618 hộ dự trữ AMD (15h34 quay về) 619 bay thay

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 nguoi p8 về đi CNV, PPD đổi ca qua P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2023	TO: P2 - BK10 - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: XHOÀN - <i>chấn</i> N Nam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN SƠN	P2	41-42	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	P2	08	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ ĐỨC VỌNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG NHẬT QUANG	P2	40	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN THẮNG	P2	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TRUNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUẬN	P2	07	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VINH	P2	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	P2	03	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC CÚ	P2	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN HÀ	P2	46-47	2	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ SÁCH ĐỨC	P2	44	1	5	80	73	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH BA NINH	P2	01	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	02	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P2	09	1	7		53	NAM TIEN	Vietnamese
16	VU VĂN LỢI	P2	06	1	8		61	NAM TIEN	Vietnamese
17	PHAN VĂN HỒNG	P2	43	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	17	84	1.103	80	5		CHUYỂN 04 PAX TỪ BK 10 SANG BK8
2	BK10	0	0	0	0	30	13	4	
3	BK8	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	17	84	1.103	110	18		
WEIGHT KG				84	1.103	110			

GRAND TOTAL: 1.297 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: AMD - BK9 - RP1	CREW: VThắng - Sơn - Tú - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ THÈ BÌNH	AMD	87-88	2	17	66	60	PHATECO	Vietnamese
2	KHUC NGOC HIẾU	AMD	80-81	2	17		92	PHATECO	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT THUẬN	AMD	85	1	10		68	PHATECO	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THƯƠNG	AMD	78-79	2	9		67	PHATECO	Vietnamese
5	TRINH BICH NGOC	AMD	82-83	2	14		67	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	94	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN PHA	AMD	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	86	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	20	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG LONG	AMD	22	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	YA LỘC	AMD	76-77	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	AMD	18-19	2	14		67	HA VIET	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÍNH	AMD	21	1	7		57	HA VIET	Vietnamese
14	TRẦN TUẤN VŨ	AMD	17	1	7		71	HA VIET	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	29	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ THÈ HẬU	BK9	28	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	26	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	30-31	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG NGỌC HOÀ	BK9	27	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	20	135	981	66	2		CG: 7g v. Tu'
2	BK9	5	6	39	346	0	6		
3	RP1	0	0	0	0	45	14		
TOTAL		19	26	174	1.327	111	22		
WEIGHT KG				174	1.327	111			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	TO: CTK3 - P3 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TIEN	CTK3	60	1	11	40	69	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSIMOV D.	CTK3	58	1	7		124	KH-THAC	Russian
3	ĐINH QUANG HOAN	CTK3	54	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TIEN DUNG	CTK3	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN HAI	CTK3	48	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	50	1	7		46	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HOA	CTK3					78	YTE	Vietnamese
8	VU XUAN TRUC	CTK3	55	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VAN BAC	CTK3	49	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TU THANG	CTK3	45	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHONG	CTK3	57	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	CTK3	56	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	51-52	2	6		51	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VAN ĐAU	CTK3	46	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUY ANH	CTK3	53	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MAI SON	CTK3	59	1	3		73	SBAY	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAI	P3				32	58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THE HANH	P3	86	1	13		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TRON SON	P3	87	1	8	20	80	KH-THAC	Vietnamese
20	VU VAN LINH	P3	88-89	2	19		69	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HUU HOA	P4	50	1	10	40	63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	16	88	1.118	40	17		
2	P3	4	4	40	276	52	0		
3	P4	1	1	10	63	40	5		
TOTAL		21	21	138	1.457	132	22		
WEIGHT KG				138	1.457	132			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: P2 - BK5 - P2.	CREW: XHOÀN - CHIẾN - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HOA	P2	26	1	7	20	75	NAM TIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH VAN	P2	27	1	7		56	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG	P2	20	1	7		63	TRUONG	Vietnamese
4	LE VAN LUC	P2	11	1	5		65	TRUONG	Vietnamese
5	NGUYEN DINH QUYNH	P2	19	1	9		71	TRUONG	Vietnamese
6	TRAN VAN THANH	P2	23	1	5		64	TRUONG	Vietnamese
7	HOANG BA HUNG	P2	18	1	6		61	TRUONG	Vietnamese
8	DOAN VAN QUAN	P2	22	1	8		68	TRUONG	Vietnamese
9	DO VAN THANH	P2	29	1	8	25	57	TRUONG	Vietnamese
10	THACH HOANG HAN	P2	21	1	12	60	69	TRUONG	Vietnamese
11	VU TAN TAI	P2	24	1	10		73	TRUONG	Vietnamese
12	LE VAN LAM	P2	16	1	5		56	TRUONG	Vietnamese
13	LE VAN TIEN	P2	25	1	5		54	TRUONG	Vietnamese
14	LE VAN LINH	P2	28	1	7		63	TRUONG	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THONG	P2	17	1	9		57	TRUONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	15	110	952	105	0+6		CHUYEN 6 PAX P2-BK5
2	BK5	0	0	0	0	0	0		
3	P2.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		15	15	110	952	105	22		
WEIGHT KG				110	952	105			

GRAND TOAL: 1.167 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	TO: AMD - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Tú - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

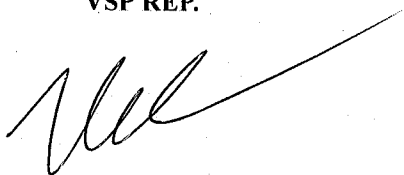
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠU THÔNG	AMD	35	1	9	70	85	HA VIET	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	99	1	12		62	HA VIET	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TUẤN	AMD	96	1	6		62	HA VIET	Vietnamese
4	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	95	1	10		61	HA VIET	Vietnamese
5	LÊ TRỌNG NGHĨA	AMD	97-98	2	12		55	HA VIET	Vietnamese
6	HUYNH ĐỨC KHANH	AMD	51	1	10		71	SAIGONTR	Vietnamese
7	HUYNH NGỌC TIẾN	AMD	48-49	2	12	8	74	SAIGONTR	Vietnamese
8	PHẠM HỮU DŨNG	AMD	46-47	2	10		57	SAIGONTR	Vietnamese
9	NGUYỄN KIM HÙNG	AMD	41-42	2	10		77	SAIGONTR	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TOÀN	AMD	50	1	5		70	SAIGONTR	Vietnamese
11	CAO DUY KHÁNH	AMD	44-45	2	15		60	SAIGONTR	Vietnamese
12	BUI VĂN DŨNG	AMD	43	1	8		71	SAIGONTR	Vietnamese
13	ĐẠO BA TƯỜNG LONG	AMD	33-34	2	7		74	PHANTA	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM THAI	TD1	60	1	4	21	64	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH TUẤN	TD1	59	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THẮNG	TD1	56	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH HÀ	TD1	58	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT LONG	TD1	61	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	19	126	879	78	0		CG: TG V. TU
2	TD1	5	5	26	364	21	22		
TOTAL		18	24	152	1.243	99	22		
WEIGHT KG				152	1.243	99			

GRAND TOAL: 1.494 KGS

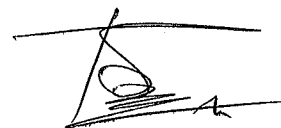
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - HST - HSD	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	63	1	11		86	KH-THAC	Vietnamese
2	DOÀN QUANG TUẤN	CTK3	75-76	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	74	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CTK3	65	1	6	58	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG	CTK3	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIẾN	CTK3	79	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	84	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	77	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	64	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH LUÂN	CTK3	68-69	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	67	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG LÂM	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU TRUNG	CTK3	70-71	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	73	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3	66	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	78	1	3		64	HVJOC	Vietnamese
17	LE VĂN PHẠNG	HST	75	1	7	30	63	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ TRUNG HIỆU	HST	75	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BA QUÂN	HSD	42-44	3	16		82	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN THANH MAI	HSD	96	1	4	25	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	18	119	1.095	58	17		
2	HST	2	2	16	140	30	2		
3	HSD	2	4	20	140	25	3		
TOTAL		20	24	155	1.375	113	22		
WEIGHT KG				155	1.375	113			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:15
FLIGHT: 07	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1	CREW: NKhánh - Trinh	ETA: 13:15
XANH-2			

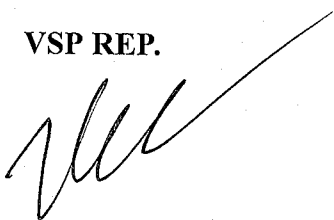
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN DUNG	AMD	64-65	2	15		86	CAO MINH	Vietnamese
2	BUI SY QUYEN	AMD	57-58	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VIET THANG	AMD	55-56	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VIET THANG	AMD	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HONG THAI	AMD	54	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TUAN ANH	AMD	60-62	3	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUOC THUAN	AMD	59	1	3		65	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN HOA	AMD	63	1	6		71	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN DUC NHA	TGTH4	08-09	2	15	25	55	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CONG TAN	TGTH4	10-11	2	15	6	70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN TRONG	TGTH4	07	1	4		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	39	1	12	20	66	HLJOC	Vietnamese
13	PHAM TAN ANH DUC	TGTH1	37	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN HUONG	TGTH1	38	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	96-97	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG DUY	TGTH1	40	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	13	69	558	0	11		
2	TGTH4	3	5	34	185	31	1		
3	TGTH1	5	6	50	331	20	6		
TOTAL		16	24	153	1.074	51	18		
WEIGHT KG				153	1.074	51			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - Hoài	ETA: 13:15
XANH-2			

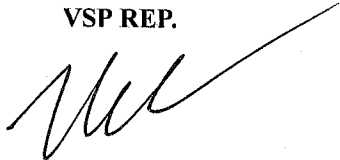
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN DŨNG	AMD	64-65	2	15		86	CAO MINH	Vietnamese
2	BUI SY QUYEN	AMD	57-58	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VIET THANG	AMD	55-56	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VIET THANG	AMD	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HONG THAI	AMD	54	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TUAN ANH	AMD	60-62	3	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUOC THUẬN	AMD	59	1	3		65	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN HOA	AMD	63	1	6		71	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC NHA	TGTH4	08-09	2	15	25	55	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG CÔNG TÂN	TGTH4	10-11	2	15	6	70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN TRỌNG	TGTH4	07	1	4		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	39	1	12	20	66	HLJOC	Vietnamese
13	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH1	37	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN HUONG	TGTH1	38	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	96-97	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG DUY	TGTH1	40	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	13	69	558	0	11		
2	TGTH4	3	5	34	185	31	1		
3	TGTH1	5	6	50	331	20	6		
TOTAL		16	24	153	1.074	51	18		
WEIGHT KG				153	1.074	51			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:45
FLIGHT:	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1	CREW: ĐTrung - LTuấn	ETA: 16:45

ROUTE: VT - AMD - TGTH4 - TGTH1 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - AMD								
1	NIL					0	0	
2	TRANSFER 03 PAX FROM AMD TO TGTH4					0	0	
3	TRANSFER 05 PAX FROM AMD TO TGTH1					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	11	WT:	0	0
SECTOR 2 : VT - TGTH4								
4	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	1	WT:	0	0
SECTOR 3 : VT - TGTH1								
5	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	6	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

PAX.WEIGHT	0
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	0

FINISHED: 00:00

FUEL

1770 1g (chua)

CONFIRMED BY HLO (Name S signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - P8 - CNV	CREW: Linh - XTrường - DTùng	ETA: 14:00
TRANG-3			

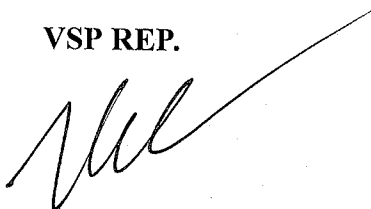
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC CẢNH	CTK3	98-99,900	3	24		81	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CTK3	87-88	2	16		80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	86	1	6		56	PSV	Vietnamese
4	LÊ DUY HAI	CTK3	85	1	3		72	PSV	Vietnamese
5	TRẦN QUANG PHÚ	CTK3	93-94	2	13		60	DK9	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN KIẾN	CTK3	91-92	2	8		80	DUY LINH	Vietnamese
7	VŨ NGỌC TUẤN	CTK3	95-97	3	21		58	DUY LINH	Vietnamese
8	HUYNH ĐỨC VŨ	CTK3	89-90	2	11		75	DUY LINH	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	43,100	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CNV	26-27	2	16	70	60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC TRÍ	CNV	19	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HAI	CNV	22	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG VĂN KHANH	CNV	89	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG VĂN	CNV	23-24	2	15		61	PHUỐC S	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH LÝ	CNV	20-21	2	13		69	PHUỐC S	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	CNV	25	1	10		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	16	102	562	0	10		CHUYEN 2 PAX P8-CNV
2	P8	0	0	0	0	0	0+2		
3	CNV	8	12	96	540	70	9		
TOTAL		16	28	198	1.102	70	19		
WEIGHT KG				198	1.102	70			

GRAND TOAL: 1.370 KGS

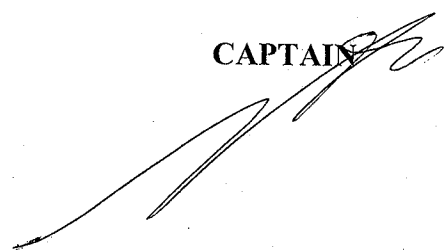
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/12/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:25
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LTuấn - MTiến	ETA: 14:35
CAM-3			

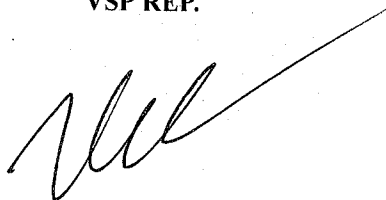
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	33	1	4		67	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỆU	T.UNG	32	1	8		67	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN KIẾT	T.UNG	43	1	17	15	66	TRUETECH	Vietnamese
4	ZELENSKI ANDREI	T.UNG	28	1	5		78	KH-THAC	Russian
5	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	29-30	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG				60	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG DUƠNG	T.UNG	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	36	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	KIỀU XUÂN TÂM	T.UNG	37	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THI	T.UNG	38	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	39	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	34	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOÀ	T.UNG					77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	27	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG DUY	T.UNG	25	1	11		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

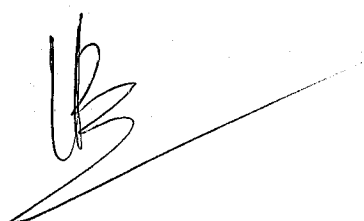
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	15	89	1.199	75	19		
	TOTAL	16	15	89	1.199	75	19		
	WEIGHT KG			89	1.199	75			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

